

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 338 /CNPĐ-TM

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2026

V/v mời báo giá gói thầu SH2026-SCDK-009 “Mua sắm Vật tư thay thế Hệ thống BOP - nhiên liệu phục vụ BDSCDK 2026 - NMND Sông Hậu 1” (lần 3)

Kính gửi: Các Nhà cung cấp

Chi nhánh Phát điện Dầu khí (Chi nhánh) đang có nhu cầu mua sắm vật tư thay thế Hệ thống BOP - nhiên liệu phục vụ Bảo dưỡng sửa chữa định kỳ năm 2026 của Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1. Chi nhánh kính mời các Quý Công ty có năng lực kinh nghiệm trong việc cung cấp các vật tư thay thế Hệ thống BOP - nhiên liệu phục vụ vận hành các Nhà máy công nghiệp quan tâm, xem xét và cung cấp báo giá với nội dung như sau:

- Phạm vi công việc:
 - ✓ Danh mục hàng hóa vật tư cần mua sắm như *Phụ lục 1 đính kèm*;
 - ✓ Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng, bảo hành theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất. Hàng hóa có đầy đủ CO (nếu là hàng nhập khẩu) và CQ.
- Tiến độ cung cấp:
 - + Tiến độ giao hàng sớm nhất: Hàng hóa về trước 01 tháng kỳ bảo dưỡng sửa chữa định kỳ là ngày 20/7/2026;
 - + Tiến độ giao hàng chậm nhất: Hàng hóa về trước 10 ngày kỳ bảo dưỡng sửa chữa định kỳ là ngày 10/8/2026.
- Hiệu lực báo giá: 90 ngày kể từ ngày báo giá.
- Thời gian gửi báo giá: Không muộn hơn 14h00 ngày 25/02/2026.
- Địa điểm cung cấp hàng hóa: Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 tại ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, Thành phố Cần Thơ.
- Báo giá được ký tên, đóng dấu bởi Người đại diện đủ thẩm quyền của Quý Công ty như *Phụ lục 2 đính kèm*.
- Phương thức gửi báo giá: Các đơn vị gửi báo giá (file scan, có ký tên, đóng dấu đỏ bởi Người đại diện đủ thẩm quyền của Quý công ty như *Phụ lục biểu chào giá đính kèm*) qua thư điện tử theo các địa chỉ email: nhanbaogia.hn@pvpqb.vn; hanhnh@pvpqb.vn.
- ✓ Thông tin liên hệ nhận báo giá: Mọi thông tin cần trao đổi, làm rõ xin liên hệ Bà Lương Hồng Hạnh – Phòng Thương mại, Tel: 0915977820.

Chi nhánh cảm ơn sự hợp tác và rất mong nhận được báo giá của Quý Công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các PGD CN (e-copy);
- Lưu: VT, TM (H.T.H.T).

Đính kèm:

- Phụ lục 1: Phạm vi công việc.
- Phụ lục 2: Biểu chào giá.

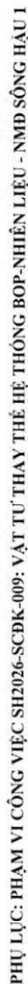
KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Bùi Thị Thu Hương





Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 00338/CNPĐ-TM



Tên vật tư/mô tả	Thông số kỹ thuật	Order information (Part No)	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Số lượng mua sắm	Đơn vị	STT theo Hệ thống	Mã vật tư	Hệ thống/Thiết bị	Mã KKS	Mã vị trí/Bản vẽ
1	2	3	4	5	6	7	1	2	3	5	10
18	Flexible elements for N-EUPEX add-on coupling material: NBR	FFA:000001194878	SIEMENS FLENDER	Châu Âu/G7/OECD	4	set	1.1.4.3	51712126			5
19	Flexible elements for N-EUPEX add-on coupling material: NBR	FFA:000001194886	SIEMENS FLENDER	Châu Âu/G7/OECD	2	set	1.1.4.4	51712127			5
20	Blade of Secondary belt cleaner MARTIN® SQC2TM sử dụng cho băng tải rộng 1400 mm	SQC2TM Blade Cartridge Part no.: SC-XXR+E Orange	MARTIN	Châu Âu/G7/OECD	16	pc	1.2.1	50878051	Coal Jetty & CSU Discharge Boom		SHI-NAR-P0100-M-M02-MAN-0014 Rev.1 BOOK 2 page 317/68478
21	Blade of Primary belt cleaner MARTIN® XHD QC™ #1 sử dụng cho băng tải rộng 1400 mm	Cleaning width CW: 1219 mm Blade color: orange QC™ #1 Blade Part no.: 33897-48XXXX	MARTIN	Châu Âu/G7/OECD	2	pc	1.2.1.2	50878048			SHI-NAR-P0100-M-M02-MAN-0014 Rev.1 BOOK 2 page 321/78478
22	Flexible elements for N-EUPEX add-on coupling	N-EUPEX size 315 material: NBR	FAM	Châu Âu/G7	2	set	1.2.3 1.2.3.1	51746015	Bucket Elevator Head		
23	Flexible pin coupling with brake drum according to DIN 15431 Type C; Size 16	Type C; Size 16	SHB		2	set	1.3 1.3.1	51746012	Stacker & Reclaimer Roll/Idler		
24	Blade of primary belt cleaner MARTIN® XHD QC™ #1 sử dụng cho băng tải rộng 1200 mm	Cleaning width CW: 1067 mm Blade color: orange QC™ #1 Blade Part no.: 33897-48XXXX	MARTIN	Châu Âu/G7/OECD	4	pc	1.3.2 1.3.2.1	50878049	Bucket Wheel Boom		SHI-NAR-P0100-M-M02-MAN-0015 Book 3, page 2281/3900
25	Fabric (230 wide)	Material: Special Polyester 01 set include: - L1000 x W230: 19 pcs - L1400 x W230: 02 pcs - L1800 x W230: 02 pcs - L2400 x W230: 56 pcs	MACAWBER	Châu Âu/G7/OECD	2	set	2 2.1 2.1.1	49082008	Ash Handling System Fly Ash Handling System Fly Ash silo unit 1	PIETH10BZ002	SHI-LLM10-P0100-M-M03-DSU-0015, page 6/6

Ghi chú:

- Các hàng hóa nêu trên là vật tư thay thế (soft part/ spare part, không có kích thước chi tiết, chỉ có mã vị trí lắp đặt) của thiết bị thuộc hệ thống BOP và Nhiên liệu hiện hữu đang sử dụng tại Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1.
Do đó, để đảm bảo tương thích, đồng bộ với thiết bị/hệ thống hiện hữu, đang sử dụng tại Nhà máy (tương thích về kích thước, khả năng lắp đặt, kết nối, điều khiển cho thiết bị/hệ thống nêu trên), VTTT phải là hàng hóa chính hãng, đúng chủng loại/model, thông số kỹ thuật như yêu cầu trên;
- (*) cấp nhật đúng theo bản vẽ.

PHỤ LỤC 2: BIỂU CHÀO GIÁ

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Hãng sản xuất, xuất xứ	Đơn giá (trước thuế) VNĐ	Thành tiền (trước thuế) VNĐ
1	Mua sắm Vật tư thay thế Hệ thống BOP - nhiên liệu phục vụ BDSCĐK 2026 - NMNĐ Sông Hậu 1					
	TỔNG CỘNG TRƯỚC THUẾ					
	CÁC LOẠI THUẾ, PHÍ CÓ LIÊN QUAN					
	TỔNG CỘNG SAU THUẾ					

(Bằng chữ: đồng)

Hiệu lực của báo giá: 90 ngày kể từ ngày gửi báo giá.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY
(ký tên, đóng dấu)

